

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
(TEST REPORT)

Số/ No: 07042601/KQ

Tên khách hàng/ Customer

Địa chỉ/ Address

Loại mẫu/ Type of sample

Tên mẫu/ Name of sample

Mã số mẫu/ Code of sample

Mô tả mẫu/ Sample description

Số lượng/ Quantity

Ngày lấy mẫu/ Date of sampling

TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG  
NÔNG THÔN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số 39 đường Hoàng Diệu, phường Long Hương, Thành phố Hồ  
Chí Minh

Nước sạch

Trạm cấp nước Long Tân, ấp Hóc Măng, xã Long Hoà, Thành phố  
Hồ Chí Minh (11.257400; 106.519231)

070426-012

Mẫu nước trong, đựng trong 1 can nhựa 2,0L và 1 chai thủy tinh  
0,5L

01 mẫu

07/04/2026 Ngày trả kết quả/ Date of result : 14/04/2026

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Kết quả (Result)	QCVN 01-1 :2024/BYT
				070426-012	
1.	(a) Coliforms	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	<1(*)	<1
2.	(a) E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	<1(*)	<1
3.	(a) Màu sắc/Color	TCU	TCVN 6185:2015	KPH (LOD = 3)	15
4.	(a) Mùi/Odor	--	HDPT.N-03:2023 (Ref SMEWW 2150:2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
5.	(a) pH	--	TCVN 6492:2011	7,16	6,0 – 8,5
6.	(a) Độ đục/Turbidity	NTU	SMEWW 2130:2023	KPH (LOD = 0,12)	2
7.	(a) Arsen/Arsenic (As)	mg/L	SMEWW 3125B:2023	KPH (LOD = 0,002)	0,01
8.	(a) Clo dư tự do/ free chlorine	mg/L	SMEWW 4500-Cl.G:2023	0,82	0,2 – 1,0
9.	(a) Chỉ số pemanganat/ permanganate	mg/L	TCVN 6186 :1996	KPH (LOD = 0,5)	2
10.	(a) Amoni (tính theo N)/ Ammonium	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,12	1

**Nhận xét:** Mẫu nước có các chỉ tiêu phân tích đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2024/BYT. / The water sample had parameters which met requirements of National Technical Regulation on the domestic water quality QCVN 01-1:2024/BYT.

**Ghi chú/Notes:**

- (\*) Kết quả được biểu thị "<1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra;
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the analysis sample only;
- Mẫu được lưu 30 ngày, kể từ ngày trả kết quả, ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh/ Sample is stored 30 days after reased the test results, except for microbiological criteria;
- KPH: Không phát hiện/ Not detected; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp/ Limit of detection; LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of quantitation;
- (-): Không quy định/ No specified; (-): Không thực hiện/Not implemented;

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
(TEST REPORT)**

Số/ No: 07042601/KQ

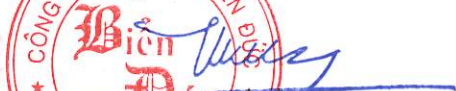
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt / National technical regulation on Domestic Water Quality;
- Phòng thí nghiệm đã được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm (317/TN-TĐC)/ The Testing Lab is granted a Certificate of Registration for Testing Activities (317/TN-TĐC) by the Ministry of Science and Technology;
- (a): Phương pháp đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BOA) – Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 599)/ Method is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation – Viet Nam (Vilas 599)

**Trưởng phòng dịch vụ phân tích  
(Head of analytical services)**

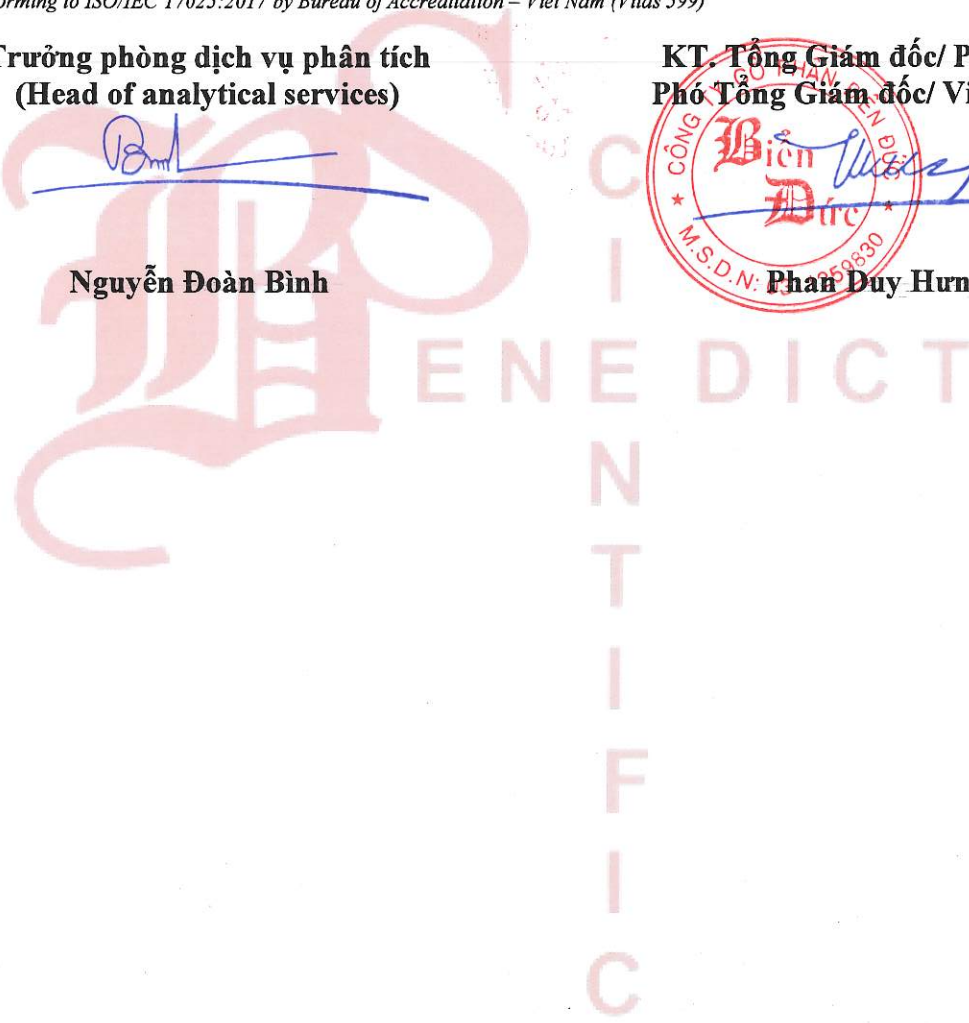


**Nguyễn Đoàn Bình**

**KT. Tổng Giám đốc/ PP. Director  
Phó Tổng Giám đốc/ Vice Director**



**Phan Duy Hưng**



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
(TEST REPORT)

Số/ No: 07042601/KQ

Tên khách hàng/ Customer

Địa chỉ/ Address

Loại mẫu/ Type of sample

Tên mẫu/ Name of sample

Mã số mẫu/ Code of sample

Mô tả mẫu/ Sample description

Số lượng/ Quantity

Ngày lấy mẫu/ Date of sampling

TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG  
NÔNG THÔN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số 39 đường Hoàng Diệu, phường Long Hương, Thành phố Hồ  
Chí Minh

Nước sạch

Hộ dân Lê Trung Hậu, ấp Cống Queo, xã Long Hoà, Thành phố  
Hồ Chí Minh (Trạm cấp nước Long Tân) (11.2394605;  
106.5369729)

: 070426-013

Mẫu nước trong, đựng trong 1 can nhựa 2,0L và 1 chai thủy tinh  
: 0,5L

: 01 mẫu

: 07/04/2026 Ngày trả kết quả/ Date of result : 14/04/2026

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Kết quả (Result)	QCVN 01-1 :2024/BYT
				070426-013	
1.	(a) Coliforms	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	<1(*)	<1
2.	(a) E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	<1(*)	<1
3.	(a) Màu sắc/Color	TCU	TCVN 6185:2015	< 9 (LOQ = 9)	15
4.	(a) Mùi/Odor	--	HDPT.N-03:2023 (Ref SMEWW 2150:2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
5.	(a) pH	--	TCVN 6492:2011	7,02	6,0 – 8,5
6.	(a) Độ đục/Turbidity	NTU	SMEWW 2130:2023	KPH (LOD = 0,12)	2
7.	(a) Aсен/Arsenic (As)	mg/L	SMEWW 3125B:2023	KPH (LOD = 0,002)	0,01
8.	(a) Clo dư tự do/ free chlorine	mg/L	SMEWW 4500-Cl.G:2023	0,72	0,2 – 1,0
9.	(a) Chỉ số pecmanganat/ permanganate	mg/L	TCVN 6186 :1996	< 1,5 (LOQ = 1,5)	2
10.	(a) Amoni (tính theo N)/ Ammonium	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,16	1

**Nhận xét:** Mẫu nước có các chỉ tiêu phân tích đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2024/BYT. / The water sample had parameters which met requirements of National Technical Regulation on the domestic water quality QCVN 01-1:2024/BYT.

**Ghi chú/Notes:**

- (\*) Kết quả được biểu thị "<1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra;
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the analysis sample only;
- Mẫu được lưu 30 ngày, kể từ ngày trả kết quả, ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh/ Sample is stored 30 days after reased the test results, except for microbiological criteria;
- KPH: Không phát hiện/ Not detected; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp/ Limit of detection; LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of quantitation;
- (-): Không quy định/ No specified; (-): Không thực hiện/Not implemented;

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
(TEST REPORT)**

Số/ No: 07042601/KQ

- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt / National technical regulation on Domestic Water Quality;
- Phòng thí nghiệm đã được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm (317/TN-TĐC)/ The Testing Lab is granted a Certificate of Registration for Testing Activities (317/TN-TĐC) by the Ministry of Science and Technology;
- (a): Phương pháp đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BOA) – Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 599)/ Method is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation – Viet Nam (Vilas 599)

**Trưởng phòng dịch vụ phân tích  
(Head of analytical services)**



**Nguyễn Đoàn Bình**

**KT. Tổng Giám đốc/ PP. Director  
Phó Tổng Giám đốc/ Vice Director**



**Phan Duy Hưng**

**TRỤ SỞ CHÍNH** .....  
781/13/3A Lạc Long Quân, phường Bảy Hiền, Tp.HCM  
Hotline: 0914949539  
Email: info@bienduc.com  
Web: www.bienduc.com

**CN ĐÀ NẴNG**.....  
06, Hoàì Thanh, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng  
Hotline: 0914949774  
Email: cndanang@bienduc.vn

**CN HÀ NỘI**.....  
Nhà vườn 5, Tổng cục 5 Bộ công an, Yên Xá, Thanh Liệt, Hà Nội  
Hotline: 0916949490  
Email: cnhanoi@bienduc.vn

